**TRAO ĐỔI VỀ DỰ THẢO TỔ CHỨC KINH TẾ CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI, BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ**

**ThS. Nguyễn Khánh Thu Hằng – Đại học Duy Tân**

**nguyenkhanhthuhang@gmail.com**

**0972211486**

**Tóm tắt**

Ngân hàng Nhà nước đang lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về trình tự, thủ tục chấp thuận cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế.

*Từ khoá: cho vay, bảo lãnh, ngân hàng Nhà nước,…*

Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), thời gian qua tại Việt Nam phát sinh nhu cầu từ các tổ chức kinh tế về cho vay ra nước ngoài. Các Tổ chức kinh tế (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) là người cư trú là Bên cho vay ra nước ngoài, Bên bảo lãnh cho người không cư trú (sau đây gọi là Bên cho vay, Bên bảo lãnh) hoặc tìm hiểu các quy định liên quan; tuy nhiên hiện vẫn chưa có các quy định, hướng dẫn cụ thể, mà phải trực tiếp xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Do đó, Chính phủ cần phải xây dựng Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú là cần thiết để tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế có nhu cầu cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người cư trú nắm rõ tiêu chí, trình tự, hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ và đồng thời quy định trách nhiệm rõ ràng để các cơ quan đầu mối, cơ quan phối hợp khác thẩm định các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ liên quan, làm cơ sở cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chấp thuận hoặc từ chối đề nghị cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế.

Dự thảo quy định về nguyên tắc thực hiện hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế có tính cần thiết nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế nhưng không ảnh hưởng đến an toàn vĩ mô, an ninh chính trị xã hội, không trái với chính sách quốc phòng, ngoại giao và các định hướng ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Tổ chức kinh tế thực hiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú phải tuân thủ quy định tại Quyết định này, quy định của pháp luật về tiền tệ, ngoại hối, đầu tư, thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan; tuân thủ pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh và điều ước quốc tế có liên quan. Tổ chức kinh tế tự chịu trách nhiệm về hiệu quả và các rủi ro liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Về thẩm quyền chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận về nguyên tắc đối với đề nghị của Tổ chức kinh tế về việc: Cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài; Việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài (bao gồm cả trường hợp tăng hạn mức cho vay ra nước ngoài, hạn mức bảo lãnh cho người không cư trú làm tăng quy mô dự án đầu tư ra nước ngoài dẫn đến việc dự án đầu tư thuộc diện phải được chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài). Các nội dung chính được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về nguyên tắc bao gồm: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh. Nếu thay đổi Bên đi vay, Bên được bảo lãnh (trừ trường hợp thay đổi tên giao dịch thương mại mà không thay đổi các tiêu chí về Bên đi vay, Bên được bảo lãnh quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 10 Quyết định này); tăng hạn mức cho vay, tăng hạn mức bảo lãnh của khoản cho vay ra nước ngoài, khoản bảo lãnh cho người không cư trú ban đầu đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc.

Về vốn, đối với hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài, phần vốn cho vay ra nước ngoài, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho người không cư trú thuộc phạm vi vốn đầu tư ra nước ngoài được ghi nhận tại giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đối với dự án đó. Đối với hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, vốn cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú phải là vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của Tổ chức kinh tế.

Về tiêu chí để tổ chức kinh tế là bên cho vay, tổ chức phải có thời gian hoạt động tối thiểu 5 năm, hoạt động kinh doanh có lãi, không có nợ xấu với hệ thống ngân hàng, không có nợ nước ngoài quá hạn trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế (theo báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam); Không nợ thuế với Ngân sách Nhà nước trong vòng 02 (hai) năm gần nhất với thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú; Có phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điều lệ của Tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp có vốn nhà nước).

Quy định này nhằm yêu cầu tổ chức kinh tế chứng minh tiềm lực kinh tế để thực hiện khoản cho vay/bảo lãnh và không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách, chứng minh tính tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định và thực hiện giao dịch cho vay/bảo lãnh này.

Về tiêu chí về Bên đi vay, Bên được bảo lãnh thuộc một trong các đối tượng sau: Là công ty mẹ hoặc các công ty thành viên cùng hệ thống ở nước ngoài của Bên cho vay, Bên bảo lãnh; Là Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài được Chính phủ nước ngoài bảo lãnh.

Ngoại tệ để cho vay nước ngoài phải là nguồn ngoại tệ có từ hoạt động sản xuất kinh doanh, không sử dụng ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng hoặc vay trong và ngoài nước.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

Thứ nhất, Văn bản của Tổ chức kinh tế đề nghị chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài trong đó tóm tắt phương án (Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; hạn mức cho vay, bảo lãnh; thời hạn cho vay, bảo lãnh; lãi suất) và sự cần thiết của giao dịch cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Thứ hai, Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) Hồ sơ pháp lý (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương) của Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh.

Thứ ba, Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh nhằm chứng minh mối quan hệ giữa các bên (không áp dụng đối với trường hợp Bên đi vay, Bên được bảo lãnh là các Chính phủ nước ngoài).

Thứ tư, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 02 (hai) năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ.

Thứ năm, Báo cáo về tình hình dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng trong nước và dư nợ vay ngoài nước của Tổ chức kinh tế tại thời điểm cuối tháng gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ.

Thứ sáu, Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của 02 (hai) năm gần nhất.

Thứ bảy, Phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh; mục đích, điều kiện cho vay, bảo lãnh; biện pháp đảm bảo tài sản và phương thức xử lý tài sản đảm bảo (nếu có); phương án cân đối nguồn vốn ngoại tệ để thực hiện cho vay, bảo lãnh; kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ; đánh giá tính khả thi của dự án sử dụng vốn vay, bảo lãnh; đánh giá khả năng tài chính của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; mức độ rủi ro của khoản cho vay, bảo lãnh, của quốc gia Bên đi vay, Bên được bảo lãnh và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay, khoản bảo lãnh.

Thứ tám, Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Phương án cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú phù hợp với Điều lệ của Tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp có vốn nhà nước).

Thứ chín, Xác nhận của ngân hàng về số dư tài khoản ngoại tệ của Tổ chức kinh tế tại thời điểm cuối tháng gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ hoàn thiện.

Thứ mười. Thỏa thuận sơ bộ, biên bản ghi nhớ hoặc dự thảo thỏa thuận với Bên đi vay, Bên được bảo lãnh (nếu có) về khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Và cuối cùng là bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) văn bản của Chính phủ nước ngoài đồng ý về nguyên tắc việc bảo lãnh cho Bên đi vay (áp dụng trong trường hợp Bên đi vay được Chính phủ nước ngoài bảo lãnh).

Về Trình tự, thủ tục chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài thì tổ chức kinh tế lập 04 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú theo quy định tại Điều 7 Quyết định này và gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan đầu mối (Ngân hàng Nhà nước).Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Trường hợp các thành phần hồ sơ của Tổ chức kinh tế chưa đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan; Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi hồ sơ của Tổ chức kinh tế đến các Bộ ngành, cơ quan có liên quan (sau đây gọi là “Cơ quan phối hợp”) đề nghị tham gia ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 15 Quyết định này.

 Đối với tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài thì dự thảo trao đổi các nội dụng sau:

Về tiêu chí đối với khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh là tổ chức kinh tế ở nước ngoài do Bên cho vay, Bên bảo lãnh thành lập theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư hoặc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó; Mục đích của khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Tiêu chí đối với Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh: Là nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài dưới các hình thức quy định tại điểm a và điểm c Khoản 1 Điều 52 Luật đầu tư; Có phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điều lệ của Tổ chức kinh tế và quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; Có phương án cân đối nguồn ngoại tệ phù hợp với quy định của pháp luật về ngân hàng và quản lý ngoại hối.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài gồm: Văn bản của Tổ chức kinh tế đề nghị chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài trong đó tóm tắt phương án (Bên đi vay, Bên được bảo lãnh, hạn mức tối đa cho vay/bảo lãnh, thời hạn cho vay, bảo lãnh) và sự cần thiết của giao dịch cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú. Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) Hồ sơ pháp lý (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương) của Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh. Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh. Phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh; mục đích, điều kiện cho vay, bảo lãnh; biện pháp đảm bảo tài sản và phương thức xử lý tài sản đảm bảo (nếu có); phương án cân đối nguồn vốn ngoại tệ để thực hiện cho vay, bảo lãnh; kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ; đánh giá tính khả thi của dự án sử dụng vốn vay, bảo lãnh; đánh giá khả năng tài chính của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; mức độ rủi ro của khoản cho vay, khoản bảo lãnh; mức độ rủi ro của quốc gia Bên đi vay, Bên được bảo lãnh và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay, khoản bảo lãnh. Bản sao (có xác nhận của Tổ chức kinh tế về việc sao từ bản chính) văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Phương án cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú phù hợp với Điều lệ của Tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp có vốn nhà nước). Tài liệu chứng minh phương án cân đối nguồn vốn ngoại tệ để thực hiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài gồm: Tổ chức kinh tế lập 02 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc) đề nghị chấp thuận cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú theo quy định tại Điều 13 Quyết định này và gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Trường hợp các thành phần hồ sơ của Tổ chức kinh tế chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu bổ sung thông tin và tài liệu có liên quan. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ của tổ chức kinh tế đến Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan khác (nếu cần thiết) (sau đây gọi là “Cơ quan phối hợp”) đề nghị tham gia ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 15 Quyết định này.

**Kết luận**

Hiện nay, Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú đã được thủ tướng Chính phủ công bố lấy ý kiến đóng góp xây dựng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu, đóng góp ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Và hy vọng những quy định trong dự thảo sẽ hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế nhưng không ảnh hưởng đến an toàn vĩ mô, an ninh chính trị xã hội, không trái với chính sách quốc phòng, ngoại giao và các định hướng ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

**Tài liệu tham khảo**

1. Dự thảo (tháng 02/2022) Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

2. https://thoibaotaichinhvietnam.vn/ngan-hang-nha-nuoc-lay-y-kien-ve-du-thao-quy-dinh-ve-cho-vay-ra-nuoc-ngoai-101266.html

3. https://kienlongbank.com/viet-nam-chuan-bi-co-quy-dinh-chinh-thuc-ve-cho-vay-ra-nuoc-ngoai